

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03/6/2024

Về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Đức Chương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hành;
2. Bà Lê Thị Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Nguyễn Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Kim H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 14 ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 57 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 12/01/2024 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lâm Kim H trình bày:

Năm 2003, bà H kết hôn cùng ông Huỳnh Văn V; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/9/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; bà H với ông V đã có 02 con chung là em Huỳnh Gia B (Nam), sinh ngày 03/4/2004 và Huỳnh Thanh V (Nữ), sinh ngày 10/02/2013.

Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung. Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng em Huỳnh Thanh V, không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con. Đối với em Huỳnh Gia B, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ bà H giao nộp gồm: Bản sao Căn cước dân của bà H, Giấy chứng nhận kết hôn của ông V với bà H, Giấy khai sinh của em B và em V; Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ.

- Đối với bị đơn là ông Huỳnh Văn V: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông V không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do, ông V được tổng đạt Thông báo kết quả phiên họp trên và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng Giấy triệu tập tham gia phiên tòa ngày 21/5/2024. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản lấy lời khai của em Huỳnh Thanh V; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của các đương sự và sức khỏe, học tập, tình hình phát triển của em B với em V. Các đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn với ông Huỳnh Văn V; giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là em Huỳnh Thanh V, ông V không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về quyền nuôi dưỡng em B và tài sản chung, nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà H yêu cầu ly hôn với ông V và giải quyết quyền nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Quan hệ tranh chấp này được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông V đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Căn cước công dân của bà H, Giấy chứng nhận kết hôn của ông V với bà H và Giấy khai sinh của em B, em V cũng như việc không phản đối của ông V cùng kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của bà H về kết hôn với ông V, được Ủy ban nhân dân thị trấn M cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng có 02 con chung là sự thật. Cho nên, bà H và ông V đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; chỉ vì mâu thuẫn mà bà H và ông V không sống chung, không quan tâm đến nhau, không cùng nhau chăm lo cho các con, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Như vậy, bà H và ông V đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà H ly hôn với ông V.

- Thời điểm xét xử vụ án, em V đã trên 11 tuổi và có nguyện vọng sống cùng mẹ; bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con.

Xét, em Huỳnh Thanh V phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ; việc bày tỏ nguyện vọng của em V là hoàn toàn tự nguyện; không bị đe dọa, lừa dối, ép buộc và chính quyền địa phương không phải hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ; đồng thời, bà H có việc làm ổn định, thu nhập từ lương giáo viên đảm bảo cuộc sống, đã trực tiếp một mình nuôi con trong thời gian dài và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng em V, ông V cũng không phản đối yêu cầu này. Vì vậy, căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng em V; ghi nhận ý chí tự nguyện của bà H, về không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con. Đối với em Huỳnh Gia B, đã thành niên và không thuộc trường hợp phải có người cấp dưỡng; các đương sự cũng không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết quyền nuôi dưỡng em B.

- Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà H chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý, có cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lâm Kim H được ly hôn với ông Huỳnh Văn V.

**2.** Về con chung:

Giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là em Huỳnh Thanh V (Nữ), sinh ngày 10/02/2013. Ghi nhận ý chí tự nguyện của bà H, ông V không phải cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian bà H nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu V, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0002303 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Lâm Kim H có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; ông Huỳnh Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND thị trấn Mỹ Xuyên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

**CHU ĐỨC CHƯƠNG**